

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH NĂM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 961/2023/KDTM-PT

Ngày: 19-9-2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Đạt

Các Thẩm phán: Bà Trương Thị Quỳnh Trâm

Bà Trương Thị Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thủy - Kiểm sát viên

Trong các ngày ngày 22 tháng 8, ngày 12 và ngày 19 tháng 9 năm 2023 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 52/2023/TLPT-KDTM ngày 04 tháng 4 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/KDTM-ST ngày 16 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo và kháng nghị theo Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 05/QĐ-VKS-KDTM ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3080/2023/QĐXX-PT ngày 24 tháng 7 năm 2023 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 11475/2023/QĐ-PT ngày 22 tháng 8 năm 2023, số 12331/2023/QĐ-PT ngày 12 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH X

Địa chỉ: Lô C, khu công nghiệp K, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Công ty L

Địa chỉ: Tầng F, Tòa nhà B H, phường C, quận B, Thành phố Hà Nội - Hợp đồng ủy quyền ngày 07/12/2022

Công ty L cử người thực hiện công việc được ủy quyền: Ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1976 (Có mặt)

Địa chỉ: 3.08 Lô A, C/c T Lô P, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh - Quyết định số 167/QĐ-TGT ngày 07/12/2022

Bị đơn: Công ty TNHH D

Địa chỉ: Số C Hẻm A P, Ấp D, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1976

Địa chỉ: 3.09 Chung cư P, Tổ G, Khu phố F, phường P, Quận I, Thành phố H - Giấy ủy quyền số 16/2019/GUQ-TP ngày 03/9/2019 (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty TNHH T2

Địa chỉ: E Hồ N, Phường B, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị C - Chức vụ: Giám đốc (Vắng mặt)

2. Công ty TNHH MTV T3

Địa chỉ: Số A Đường số F, phường A, quận B, Tp .

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Minh T1 - Chức vụ: Giám đốc (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. Ông Nguyễn Hòa H - sinh năm 1976

Địa chỉ: A Ấp E, xã X, huyện H, Tp .

(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người kháng cáo: Công ty TNHH X là nguyên đơn; Công ty TNHH D là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong Đơn khởi kiện ngày 16 tháng 7 năm 2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Trọng T trình bày:

Ngày 17/9/2010, Công ty TNHH X (gọi tắt là Công ty V1) và Công ty TNHH D (gọi tắt là Công ty D) ký kết hợp đồng mua bán số 202/2010/HĐMB/VDB. Theo hợp đồng, Công ty D có nghĩa vụ phải thanh toán cho Công ty V1 tổng số tiền 14.500.000.000 đồng để mua 05 chiếc xe ô tô khách 47 chỗ hiệu Daewoo FX120 mới 100% từ Công ty V1. Thực hiện hợp đồng đã ký, Công ty V1 đã bàn giao 05 chiếc xe ô tô khách 47 chỗ hiệu Daewoo FX120 thời gian như sau:

Ngày 26/12/2010, V đã bàn giao cho Công ty D 03 chiếc xe;

Ngày 30/12/2010, V đã bàn giao cho Công ty D 02 chiếc xe.

Thông tin chi tiết của 05 chiếc xe ô tô nêu trên:

- Số khung: RNWUE65JDBV000019, số máy: DE12TIS007526BE;

- Số khung: RNWUE65JDBV000014, số máy: DE12TIS007670BE;

- Số khung: RNWUE65JDBV000015, số máy: DE12TIS007672BE;

- Số khung: RNWUE65JDBV000020, số máy: DE12TIS007676BE;

- Số khung: RNWUE65JDBV000021, số máy: DE12TIS007520BE.

Căn cứ Điều 2 của Hợp đồng, Công ty D có nghĩa vụ thanh toán theo tiến độ:

Đợt 1: Công ty D đặt cọc 7.000.000.000 đồng ngay sau khi ký hợp đồng;

Đợt 2: Ngân hàng của Công ty D sẽ giải ngân 7.500.000.000 đồng trong vòng 05 ngày kể từ ngày có giấy hẹn đăng ký xe của Công an. Số tiền 7.500.000.000 đồng của đợt 2 phải được bảo đảm bằng cam kết cho vay của Ngân hàng trước khi đăng ký xe.

Cùng ngày 17/9/2010, hai bên ký Phụ lục hợp đồng quy định chi tiết về phương thức thanh toán:

- Đợt 1: thanh toán 3.500.000.000 đồng;

- Đợt 2: như thỏa thuận tại hợp đồng là 7.500.000.000 đồng;

- Đợt 3: số tiền còn nợ 3.750.000.000 đồng được trả chậm trong 10 tháng (trong đó 3.500.000.000 đồng còn lại và 250.000.000 đồng tiền lãi trả chậm trong 10 tháng) kể từ ngày bàn giao xe, theo phân kỳ thanh toán là 5 kỳ, mỗi kỳ 2 tháng thanh toán 750.000.000 đồng.

Tổng số tiền Công ty D phải thanh toán cho Công ty V1 là 14.750.000.000 đồng.

Tính đến tháng 9/2011, Công ty D chỉ thanh toán cho Công ty V1 số tiền 9.900.000.000 đồng, khoản tiền còn lại là 4.850.000.000 đồng cộng với tiền lãi trả chậm đến nay thì Công ty V1 đã nhiều lần yêu cầu thanh toán nhưng Công ty D không thực hiện.

Căn cứ Điều 3.4 của hợp đồng về chuyển giao quyền sở hữu, quyền sở hữu xe sẽ được Công ty V1 chuyển giao cho Công ty D khi và chỉ khi Công ty V1 đã nhận được đầy đủ các khoản thanh toán từ Công ty D theo các điều khoản thanh toán nêu trên. Để tránh trùng lặp, việc giao xe của Công ty V1 cho Công ty D không có nghĩa là quyền sở hữu xe đã thuộc về Công ty D cho tới khi Công ty V1 nhận được đầy đủ các khoản thanh toán từ Công ty D. Do Công ty D đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Công ty V1 nên quyền sở hữu 05 chiếc xe ô tô khách 47 chỗ hiệu Daewoo FX120 mà Công ty D khai thác sử dụng từ năm 2011 đến nay vẫn thuộc về Công ty V1.

Công ty V1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty D (năm) chiếc xe ô tô khách 47 chỗ hiệu Daewoo FX120 mà Công ty V1 đã giao cho Công ty D khai thác sử dụng từ năm 2011 có giá trị tương đương với số tiền 14.500.000.000 (Mười bốn tỷ năm trăm triệu) đồng;

- Buộc Công ty D thanh toán số tiền chênh lệch giữa giá trị hao mòn tài sản thực tế do sử dụng với số tiền mà Công ty D đã thanh toán cho Công ty V1 trong trường hợp giá trị hao mòn thực tế này vượt quá số tiền mà Công ty D đã thanh toán. Số tiền chênh lệch do Công ty V1 tính tới thời điểm hiện tại là 4.600.000.000 (Bốn tỷ sáu trăm triệu) đồng.

Tại văn bản ý kiến ngày 18/3/2020, người đại diện nguyên đơn trình bày ý kiến đối với yêu cầu phản tố của bị đơn: Công ty V1 không đồng ý yêu cầu phản

tổ của bị đơn và đề nghị áp dụng quy định tại Điều 319 Luật Thương mại 2005, khoản 3 Điều 200 và khoản 2 Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và các quy định pháp luật khác liên quan để không xem xét và giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn.

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến đối với yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại bản văn bản ý kiến ngày 02/10/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Bị đơn Công ty D xác nhận có ký kết Hợp đồng mua bán số 202/2010/HĐMB ngày 17/9/2010 để mua 05 chiếc xe ô tô khách 47 chỗ hiệu Daewoo FX120 của Công ty V1 đúng như nguyên đơn trình bày. Bị đơn xác nhận đã nhận 05 chiếc xe theo hợp đồng mua bán và đã thanh toán cho Công ty V1 số tiền 9.900.000.000 đồng, bị đơn sau khi nhận xe đã tiến hành thủ tục đăng ký quyền sở hữu xe theo quy định.

Trong quá trình đưa xe ô tô khách 47 chỗ hiệu Daewoo FX120 mới 100% vào sử dụng, vận chuyển hành khách dòng xe nêu trên thường xuyên bị sự cố (hỏng, nằm đường) không hoạt động được gây ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ khách hàng của Công ty D. Công ty D đã nhiều lần gửi thông báo đề nghị Công ty V1 khắc phục và gửi thông báo cho Công ty V1 biết nếu vẫn không triệu hồi 05 xe ô tô nêu trên thì Công ty D buộc phải bán thanh lý 05 chiếc xe ô tô với giá thanh lý và mọi thiệt hại phát sinh nếu có thì Công ty V1 phải gánh chịu nhưng Công ty V1 không triệu hồi 05 xe ô tô mà Công ty D yêu cầu. Sau thời hạn thông báo về bán thanh lý 05 xe ô tô và yêu cầu triệu hồi, năm 2013 Công ty D đã tiến hành thanh lý xe cũ trong tình trạng hư hỏng, số tiền bán thanh lý 05 chiếc xe là 3.650.000.000 đồng, số tiền chênh lệch là 10.850.000.000 đồng, cụ thể:

- Công ty D bán cho Công ty TNHH MTV T3 theo Hợp đồng bán xe số 09/TP ngày 23/5/2013 đối với xe biển số: 51B 004.04, số khung: RNWUE65JDBV000020, số máy: DE12TIS007676BE, giá 700.000.000 đồng và Hợp đồng bán xe số 09/TP ngày 05/4/2013 đối với xe biển số: 51B 004.03, số khung: RNWUE65JDBV000021, số máy: DE12TIS007528BE, giá 850.000.000 đồng.

- Công ty D bán cho Công ty TNHH MTV T2 theo Hợp đồng bán xe số 13/TP ngày 14/6/2013 đối với xe biển số : 51B 004.07, số khung: RNWUE65JDBV000014, số máy: DE12TIS007670BE, giá 700.000.000 đồng và Hợp đồng bán xe số 13/TP ngày 14/6/2013 đối với xe biển số: 51B 004.02, số khung: RNWUE65JDBV000019, số máy: DE12TIS007526BE, giá 700.000.000 đồng.

- Công ty D bán cho ông Nguyễn Hòa H theo Hợp đồng bán xe số 10/TP ngày 25/4/2013 đối với xe biển số: 51B 004.06, số khung: RNWUE65JDBV000015, số máy: DE12TIS007672BE, giá 700.000.000 đồng.

Theo nghĩa vụ thanh toán, bị đơn còn phải tiếp tục thanh toán cho Công ty V1 số tiền 4.850.000.000 đồng. Bị đơn thực hiện căn trừ số tiền này vào số tiền

thiệt hại 10.850.000.000 đồng, thì khoản thiệt hại mà bị đơn phải gánh chịu là 6.000.000.000 đồng.

Bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn đề nghị Tòa án xem xét áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để ban hành quyết định đình chỉ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời bị đơn phản tố yêu cầu nguyên đơn Công ty V1 bồi thường thiệt hại cho Công ty D số tiền 6.000.000.000 (Sáu tỷ) đồng.

Tại phiên tòa, đại diện bị đơn đề nghị áp dụng thời hiệu khởi kiện đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xác nhận số tiền yêu cầu nguyên đơn bồi thường thiệt hại là 6.000.000.000 (Sáu tỷ) đồng.

Tại bản tường trình ngày 10/10/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hòa H trình bày:

Vào năm 2013, ông H có mua 01 xe ô tô khách 47 chỗ đã qua sử dụng của Công ty TNHH D, nhãn hiệu Daewoo loại FX120, biển số 51B-004.06, số khung: RNWUE65JDBV000015, số máy: DE12TIS007672BE, tuy nhiên do thời gian mua xe đã lâu ông H không nhớ giá mua xe là bao nhiêu. Ông H xác nhận việc ông mua xe của Công ty D là hợp pháp, sau khi mua xe trên thì ông H đã bán lại cho người khác. Do đó, ông H xác định hiện nay ông không còn liên quan gì đến xe ô tô nêu trên, ông H không có yêu cầu độc lập trong vụ án này.

Tại văn bản ý kiến ngày 01/10/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV T3 do ông Nguyễn Minh Trung đại d trình bày:

Năm 2013, Công ty T3 có mua 02 xe ô tô của Công ty D và đã bán lại cho người khác, mọi thủ tục mua bán sang tên đều hợp pháp. Đối với việc Công ty V1 khởi kiện Công ty D thì Công ty T3 không có liên quan và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH T2 đã được Tòa án thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án theo giấy triệu tập mà không có lý do chính đáng cũng không có bất kỳ văn bản nào phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không thể thu thập được lời khai của Công ty TNHH T2.

Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/KDTM-ST ngày 16 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty V1 về việc yêu cầu bị đơn Công ty D trả lại 05 xe ô tô khách 47 chỗ hiệu Daewoo FX120 theo Hợp đồng mua bán số 202/2010/HĐMB/VDB ngày 17/9/2010 trị giá 14.500.000.000 (Mười bốn tỷ năm trăm triệu) đồng và thanh toán số tiền chênh lệch giá trị hao mòn tài sản thực tế do sử dụng với số tiền đã thanh toán là 4.600.000.000 (Bốn tỷ sáu trăm triệu) đồng.

- Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty D về việc yêu cầu nguyên đơn Công ty V1 bồi thường thiệt hại số tiền 6.000.000.000 (Sáu tỷ) đồng do hết thời hiệu khởi kiện.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 01 tháng 3 năm 2023, nguyên đơn Công ty V1 có đơn kháng cáo với nội dung sửa phần Bản án theo hướng chấp nhận toàn bộ các yêu cầu của nguyên đơn;

Ngày 02/3/2023 bị đơn Công ty D có đơn kháng cáo với nội dung sửa phần Bản án theo hướng buộc nguyên đơn phải bồi thường thiệt hại

Ngày 03/03/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị toàn bộ Bản án theo Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 05/QĐ-VKS-KDTM của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã rút toàn bộ kháng nghị theo Quyết định rút kháng nghị phúc thẩm số 25/QĐ-VKS-KDTM ngày 15/9/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn Công ty V1 và bị đơn Công ty D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Qua kiểm sát vụ án từ khi thụ lý hồ sơ đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án, tiến hành lập hồ sơ, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, việc cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định tại Điều 41 Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Về thời gian giải quyết vụ án chưa đảm bảo đúng thời hạn theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, phiên tòa tiến hành đúng trình tự pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn, đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 58, Điều 59, Điều 60, Điều 61, Điều 74, Điều 199, Điều 200, Điều, 201 Điều 209 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty D đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng thời hiệu để đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do nguyên đơn đã mất quyền khởi kiện. Căn cứ Điều 159 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004 (được sửa đổi bổ sung năm 2011) nay là Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát;

Sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Quyết định kháng nghị số 05/QĐ-VKS-KDTM của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh; Đơn kháng cáo của nguyên đơn Công ty V1 và bị đơn Công ty D còn trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

[2] Về thẩm quyền: Xét thấy, tại Điều 5 của Hợp đồng, các bên đã thỏa thuận giải quyết tranh chấp tại Trung tâm T4. Nhận thấy, trong trình giải quyết tại Tòa, các bên thống nhất lựa chọn Tòa án nơi có trụ sở của bị đơn để giải quyết tranh chấp là phù hợp tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự về Quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự. Bị đơn Công ty D có trụ sở hoạt động tại huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, việc lựa chọn của các đương sự là phù hợp quy định của pháp luật nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn Công ty V1 và bị đơn Công ty D yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp liên quan đến Hợp đồng mua bán số 202/2010/HĐMB/VDB ngày 17/9/2010 về việc bị đơn Công ty D mua bán 05 chiếc xe ô tô khách 47 chỗ hiệu Daewoo FX120 mới 100% từ nguyên đơn Công ty V1 có số khung và số máy như Công ty V1 trình bày trên. Do đó, quan hệ tranh chấp trong vụ án này cần được xác định là: “Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa”.

[4] Về nội dung:

[4.1] Nguyên đơn Công ty V1 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn.

[4.2] Bị đơn Công ty D kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét về thời hiệu khởi kiện của nguyên đơn, hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Xét, yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty D về việc đề nghị cấp phúc thẩm xem xét về thời hiệu khởi kiện của nguyên đơn, hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5.1] Về việc chuyển giao tài sản: Xét thấy, tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn cùng xác nhận hai bên ký kết Hợp đồng mua bán số 202/2010/HĐMB/VDB và Phụ lục hợp đồng ngày 17/9/2010. Theo đó, Công ty D mua 05 chiếc xe ô tô khách 47 chỗ hiệu Daewoo FX120 mới 100% từ Công ty V1 và thanh toán số tiền là 14.750.000.000 đồng. Công ty V1 đã bàn giao 05 chiếc xe ô tô khách 47 chỗ hiệu Daewoo FX120 cụ thể: Ngày 26/12/2010 V đã bàn giao cho 03 chiếc xe và ngày 30/12/2010 đã bàn giao 02 chiếc xe. Thông số của các xe cụ thể: Số

khung: RNWUE65JDBV000019, số máy: DE12TIS007526BE; Số khung: RNWUE65JDBV000014, số máy: DE12TIS007670BE; Số khung: RNWUE65JDBV000015, số máy: DE12TIS007672BE; Số khung: RNWUE65JDBV000020, số máy: DE12TIS007676BE; Số khung: RNWUE65JDBV000021, số máy: DE12TIS007520BE. Theo thỏa thuận của các bên, bên bán bảo lưu quyền sở hữu cho đến khi bên mua thanh toán hết tiền mua xe theo điều khoản thanh toán. Tuy nhiên, tài sản bảo lưu trong trường hợp này là xe ô tô mà theo quy định xe ô tô bắt buộc phải đăng ký quyền sở hữu và bên mua là đơn vị kinh doanh vận tải hành khách ngoài việc kinh doanh còn chịu trách nhiệm bồi thường cho bên thứ ba, cho hành khách, phải mua bảo hiểm, các loại giấy phép trong lĩnh vực kinh doanh vận tải hành khách. Đồng thời, trên thực tế cùng với việc giao xe cho bên mua thì bên bán đã bàn giao toàn bộ giấy tờ để bên mua đăng ký quyền sở hữu, đăng ký giấy phép lưu hành vận tải hành khách, bên bán hoàn toàn không có ý kiến phản đối cũng như giữa hai bên không có một thỏa thuận nào khác về việc này. Như vậy bên bán đã đồng ý việc chuyển giao quyền sở hữu cho bên mua từ thời điểm bàn giao xe, bên mua đã hoàn thành thủ tục đăng ký quyền sở hữu và đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký xe. Theo quy định tại Điều 62 Luật Thương mại: *“Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác hoặc các bên có thỏa thuận khác, quyền sở hữu được chuyển từ bên bán sang bên mua kể từ thời điểm hàng hóa được chuyển giao”* và Điều 439 Bộ luật Dân sự 2005 quy định: *“Quyền sở hữu đối với tài sản mua bán được chuyển giao cho bên mua kể từ thời điểm tài sản được chuyển giao, ... Đối với tài sản mua bán mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu thì quyền sở hữu được chuyển cho bên mua kể từ thời điểm hoàn thành thủ tục đăng ký quyền sở hữu đối với tài sản đó”*. Như vậy, có cơ sở xác định Công ty D là chủ sở hữu của 05 chiếc xe ô tô khách 47 chỗ hiệu Daewoo FX120 kể từ ngày 30/12/2010.

[5.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn cùng xác nhận, sau khi nhận xe, tính đến tháng 9 năm 2011 Công ty D đã thanh toán cho Công ty V1 tổng số tiền là 9.900.000.000 đồng.

[5.3] Xét thấy, theo quy định tại Điều 319 Luật thương mại 2005 quy định về thời hiệu khởi kiện đối với các tranh chấp thương mại như sau: *“Thời hiệu khởi kiện áp dụng đối với các tranh chấp thương mại là hai năm, kể từ thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm”*. Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty V1 xác nhận việc vi phạm nghĩa vụ của bị đơn Công ty D đối với Hợp đồng mua bán số 202/2010/HĐMB/VDB ngày 17/9/2010 là từ tháng 9 năm 2011. Như vậy, căn cứ vào Điều 159 Bộ luật tố tụng dân sự 2004 quy định về thời hiệu khởi kiện, thời hiệu yêu cầu: *“ ...Thời hiệu khởi kiện là thời hạn mà chủ thể được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án*

dân sự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm; nếu thời hạn đó kết thúc thì mất quyền khởi kiện...”. Như nhận định trên, có cơ sở để xác định nguyên đơn Công ty V1 đã mất quyền khởi kiện. Bị đơn có yêu cầu áp dụng thời hiệu nên phải đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Về yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty D yêu cầu nguyên đơn Công ty V1 bồi thường thiệt hại số tiền 6.000.000.000 đồng:

[6.1] Xét thấy, căn cứ Hợp đồng mua bán số 202/2010/HĐMB/VDB và Phụ lục hợp đồng ngày 17/9/2010, bị đơn đã nhận xe từ nguyên đơn bàn giao và đăng ký quyền sở hữu được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô vào thời điểm năm 2011. Quá trình sử dụng xe, bị đơn cho rằng xe thường xuyên hư hỏng không đạt chất lượng, không thể khai thác sử dụng thì Công ty D có quyền khởi kiện Công ty V1 tại thời điểm phát hiện xe không đạt chất lượng theo hợp đồng mua bán trong thời hạn quy định của pháp luật để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình nhưng Công ty D không thực hiện quyền này mà tự ý bán thanh lý 05 xe ô tô trên vào năm 2013 và cho rằng đã gây thiệt hại cho Công ty D số tiền 10.850.000.000 đồng để yêu cầu Công ty V1 bồi thường. Công ty D đã nhận xe đưa vào sử dụng từ năm 2011 nhưng đến năm 2020 Công ty D mới yêu cầu phản tố buộc Công ty V1 bồi thường thiệt hại là hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 159 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004, được sửa đổi bổ sung năm 2011 nay là Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời, Công ty V1 yêu cầu Tòa án áp dụng quy định về thời hiệu đối với yêu cầu phản tố của Công ty D. Do đó, cấp sơ thẩm áp dụng quy định về thời hiệu, đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 184, điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[7] Từ những nhận định trên, xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty D về việc đề nghị cấp phúc thẩm xem xét về thời hiệu khởi kiện của nguyên đơn, hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[8] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã rút yêu cầu kháng nghị theo Quyết định rút kháng nghị phúc thẩm số 25/QĐ-VKS-KDTM ngày 15/9/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh và đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/KDTM-ST ngày 16 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh và đình chỉ giải quyết vụ án nên nguyên đơn và bị đơn không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà nguyên đơn và bị đơn đã nộp.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/KDTM-ST ngày 16 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh và Đình chỉ giải quyết vụ án nên nguyên đơn Công ty V1 và bị đơn Công ty D không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà Công ty V1 và Công ty D đã nộp.

Từ những phân tích trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 4 Điều 308 và Điều 311 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án:

Tuyên xử:

1. Đình chỉ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định rút kháng nghị phúc thẩm số 25/QĐ-VKS-KDTM ngày 15/9/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn D. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/KDTM-ST ngày 16/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh và đình chỉ giải quyết vụ án do hết thời hiệu khởi kiện.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1 Hoàn trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn X số tiền tạm ứng án phí đã nộp 61.250.000 (Sáu mươi một triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng theo Biên lai thu tiền số AD/2014/0007899 ngày 07/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Tp ..

3.2 Hoàn trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.225.000 (Năm mươi bảy triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2018/0034945 ngày 27/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

4.1 Hoàn trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn X số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 (Hai triệu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0037191 ngày 09/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4.2. Hoàn trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn D số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 (Hai triệu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0037180 ngày 07/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Việc thi hành được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THA DS TP.HCM;
- TAND huyện Nhà Bè;
- Chi cục THADS huyện Nhà Bè;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đỗ Quốc Đạt

